

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO
ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Hoàng Linh

Các Thẩm phán: Bà Lê Hồng Hạnh

Bà Nguyễn Thị Nga

Thư ký phiên họp: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên họp:
Bà Đỗ Thị Lua - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 37/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2018 (sau đây viết tắt là Quyết định số 37), Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1960; Trú tại: Tổ 1, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1963; Trú tại: Tổ 6, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1959; Anh Phạm Thanh P, sinh năm 1985; Chị Phạm Thanh T, sinh năm 1986; Cùng trú tại: Tổ 6, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

+ UDND huyện C; Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. Người đại diện hợp pháp của UBND huyện C: Ông Tạ Hữu D, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện C (Theo giấy ủy quyền ngày 28/02/2017).

Ngày 30/6/2018, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước có Quyết định số 14/2018/QĐ-SCBSQĐ về việc sửa chữa, bổ sung Quyết định số 37 như sau:
Tại dòng thứ 24, 25 từ trên xuống, trang thứ 01 của quyết định đã ghi: “Vì vậy căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án cần phải

đình chỉ giải quyết vụ án”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Vì vậy căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án cần phải đình chỉ giải quyết vụ án”.

Tại đơn kháng cáo ngày 11/5/2018, nguyên đơn bà Lê Thị L kháng cáo với lý do: Ông Đ là người có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền 1.170.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng). Sau khi có Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2014/DS-ST ngày 02/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xét xử vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” (sau đây viết tắt là Bản án số 10), vợ chồng ông Đ, bà R đã chuyển nhượng 03 (ba) thửa đất cho các con là Phạm Thanh P và Phạm Thanh T. Hành vi của ông Đ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các con sau khi có Bản án số 10 là hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với bà L. Việc Tòa án nhân dân huyện C đình chỉ giải quyết vụ án làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Vì vậy, bà L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước hủy Quyết định đình chỉ số 37 của Tòa án nhân dân huyện huyện C.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên họp và nội dung kháng cáo, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

Theo Bản án số 10 thì ông Phạm Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Đ, ông Ngô Văn D1 số tiền 1.170.000.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Phạm Văn Đ có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm. Do Tòa cấp phúc thẩm triệu tập họp lệ ông Đ hai lần, nhưng ông Đ vẫn không có mặt để tham gia phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Do đó, ngày 25/5/2015, TAND tỉnh Bình Phước ra Quyết định số 04/2015/QĐ-PT về việc đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự này.

Sau khi Bản án số 10 có hiệu lực thi hành, bà L làm đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 06/7/2015, Chi cục Thi hành án dân sự (THADS) huyện C ban hành quyết định số: 829/QĐ-CCTHA về việc thi hành án theo đơn yêu cầu của bà Lê Thị L và được tổng đạt hợp lệ cho người phải thi hành án là ông Phạm Văn Đ; do ông Đ không nhận quyết định nên Chi cục THADS huyện C đã lập biên bản để làm căn cứ giải quyết thi hành án.

Chi cục THADS huyện C tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của ông Đ và xác định ông vợ chồng ông Đ, bà R đã chuyển quyền sử dụng đất cho các con, cụ thể:

+ Tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 161, tờ bản đồ số 88, diện tích 219,6m² tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước, đất đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AO 640077, sổ vào sổ H-01978 ngày 15/01/2009 (sau đây viết tắt là Thửa đất số 01) cho con ruột là anh Phạm Thanh P;

+ Tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 69, tờ bản đồ số 88, diện tích 132,5m² tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước, đất đã được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số AO 640076, số vào sổ H-01977 ngày 15/01/2009 (sau đây viết tắt là Thửa đất số 02) và thửa đất số 168, tờ bản đồ số 15, diện tích 11.206m² tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, đất đã được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số 00500 ngày 16/12/1999 (sau đây viết tắt là Thửa đất số 03) cho con ruột là chị Phạm Thanh T.

Ngày 30/7/2015, Chi cục THADS huyện C ra Thông báo số 02/TB-CCTHADS (viết tắt là Thông báo số 02) về việc thông báo cho bà L về quyền khởi kiện để yêu cầu hủy các giao dịch trên vô hiệu. Căn cứ Thông báo số 02, bà L làm đơn khởi kiện tại TAND huyện C yêu cầu tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là vô hiệu; xác định phần sở hữu tài sản của ông Đ trong khối tài sản chung; yêu cầu hủy các GCNQSDĐ đã cấp cho anh Phạm Thanh P, chị Phạm Thanh T.

Xét thấy, tại thời điểm Chi cục THADS huyện C ra Thông báo số 02 thì Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 (viết tắt là Luật THADS) có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, Chi cục THADS huyện C vẫn căn cứ vào khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 về hướng dẫn một số thủ tục về thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự (viết tắt là Thông tư liên tịch số 14) *“Kể từ thời điểm có bản án, quyết định sơ thẩm mà người phải thi hành án bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, ... tài sản của mình cho người khác..., thì tài sản đó vẫn bị kê biên để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác...”* (BL62, 182) làm cơ sở để thông báo cho bà L khởi kiện là không phù hợp.

Hơn nữa, Thông báo số 02 còn căn cứ khoản 2 Điều 75 Luật THADS *“Trong trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó...”*. Tài sản thi hành án là những tài sản được xem xét sau khi Bản án số 10 đã có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan THADS ra quyết định thi hành án. Tuy nhiên, Thửa đất số 01, 02, 03 đã được vợ chồng ông Đ, bà Rưng tặng cho anh Phạm Thanh P, chị Phạm Thanh T vào ngày 15/12/2014 (BL63-74), và anh Phạm Thanh P, chị Phạm Thanh T đã được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ để công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với những quyền sử dụng đất này vào ngày 31/12/2014 (BL75, 77, 80).

Mặt khác, ngoài các tài sản là 03 thửa đất nêu trên, trong hồ sơ còn thể hiện bản thân ông Đ có nhiều tài sản khác có giá trị cao để có thể thi hành án trả nợ cho bà L như 04 quầy bán hàng tại chợ C, 02 lô đất tái định cư, 06 ki ốt tại ấp 2, chợ M (BL57), nhưng Chi cục THADS chưa tiến hành xác minh đầy đủ, toàn diện, mà lại thông báo cho bà L khởi kiện là chưa đủ cơ sở.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh Chi cục THADS, tại Công văn số 262/CCTHA ngày 07/6/2016 (BL62),

Biên bản xác minh ngày 03/8/2017 (BL182-183), Biên bản xác minh ngày 15/01/2018 (BL184-185), Chi cục THADS xác định chưa kê biên, cưỡng chế đối với 03 thửa đất nêu trên vì lý do hiện các tài sản này do anh Phạm Thanh P, chị Phạm Thanh T đứng tên chủ sử dụng, sở hữu; quá trình thi hành án thì Chi cục THADS không nhận được đơn hay ý kiến tranh chấp nào. Các nội dung trả lời xác minh này được Chi cục THADS căn cứ khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14 và cho rằng có đủ cơ sở xác định ông Đ chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án là chưa đủ căn cứ.

Do Chi cục THADS chưa tiến hành xác minh Đ đủ điều kiện thi hành án của ông Đ và căn cứ Thông tư liên tịch số 14 để thông báo cho bà L khởi kiện là chưa đảm bảo Đ đủ điều kiện khởi kiện của bà L. Vì vậy, Quyết định số 37 của Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do bà L chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ. Tuy nhiên, nội dung nhận định của Quyết định số 37 lại cho rằng *“bà L không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong khối tài sản phải thi hành án mà chỉ là người được thi hành án”* là chưa phù hợp, cần nhắc nhở cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Về căn cứ pháp lý để đình chỉ giải quyết vụ án: Theo Thông báo số 02, Chi cục THADS huyện C thông báo cho bà L *yêu cầu Tòa án tuyên bố các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đ, bà R và anh Phạm Thanh P, chị Phạm Thanh T vô hiệu*. Đây là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà L không khởi kiện yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án, mà lại khởi kiện vụ án dân sự về *“Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; yêu cầu xác định phần sở hữu của ông Phạm Văn Đ trong khối tài sản chung của hộ gia đình; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Phạm Thanh P, chị Phạm Thanh T”* là thực hiện không đúng tinh thần Thông báo số 02. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên là có căn cứ. Mặc dù Quyết định số 37 của Tòa án cấp sơ thẩm có nhầm lẫn về căn cứ pháp lý để đình chỉ, nhưng sai sót này đã được khắc phục tại Quyết định số 14/2018/QĐ-SCBSQĐ ngày 30/6/2018. Do đó, cần nhắc nhở Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm về vấn đề này.

Từ những nhận định trên, Hội đồng phúc thẩm xác định Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do bà L chưa có đủ điều kiện khởi kiện là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bà L không được Hội đồng chấp nhận.

Về phía bà L, sau khi có Đ đủ điều kiện thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật, thời gian Tòa án hai cấp tỉnh Bình Phước giải quyết vụ án không tính vào thời hiệu khởi kiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho bà L thực hiện quyền khởi kiện của mình khi có đủ điều kiện khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên họp là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà L không được chấp nhận, nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L.

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 37/2018/QĐST- DS ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 14/2018/QĐ-SCBSQĐ ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

Bà Lê Thị L có quyền khởi kiện lại khi có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009387 ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Phước. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP - hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Vũ Hoàng Linh